

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2017/HS-ST
Ngày: 06/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lò Văn Ôn.

2. Bà: Mùa Thị Đór.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 237/2017/HS-ST ngày 15/9/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2017/QĐXXST-HS ngày 25/9/2017 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1970, tại Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Lào; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông: Lò Văn L (Đã chết) và bà Lò Thị N, sinh năm: 1943.

Có vợ: Lò Thị M, sinh năm 1975 và 02 người con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/3/2010 bị TAND huyện Đ xử phạt 48 tháng tù về hai tội: "Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất và tủy và tội mua bán trái phép chất ma túy". Bản án này đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2017 cho đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lường Văn H;** Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1973, tại Điện Biên.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N2, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Lào; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 2/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con ông: Lường Văn P (Đã chết) và bà Lò Thị M, sinh năm 1950 và có 01 người con sinh năm 1998.

Tiền án: có 02 tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Đã 03 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cụ thể: Ngày 09/5/2002, bị UBND tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh Điện Biên) áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; vào các ngày 04/5/2007, ngày 04/5/2012, bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng. Các lần bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nói trên đều đã được xóa.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2017 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 08/6/2017, Lò Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873 đi từ nhà ở Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến nhà Lường Văn H ở bản N2, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, với mục đích rủ H đi tìm mua Hêrôin về sử dụng. Khi đến nơi thấy H đang ở nhà, T đã rủ H cùng đi lên bản C, xã P, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên để mua Hêrôin về sử dụng, H đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở H cùng đi. Khoảng 07 giờ cùng ngày, khi cả hai đi đến khu vực đầu đường vào bản C, xã P thì gặp một người đàn ông dân tộc H'Mông khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ. H hỏi người đàn ông "Có Hêrôin bán không", người đàn ông trả lời "Có, mua bao nhiêu tiền", H trả lời "Bán cho mỗi người 100.000 đồng", người đó bảo H "Đưa tiền đây". H lấy ra 100.000 đồng đưa cho người đó và nhận lại 01 gói Hêrôin được gói bên

ngoài bằng nilon màu hồng; T cũng lấy 100.000 đồng đưa cho người đàn ông đó, người đàn ông đưa lại cho T 01 gói được bên ngoài bằng nilon màu trắng, mở bên trong có 02 gói Hêrôin, trong đó 01 gói được gói bằng nilon màu trắng, 01 gói được gói bằng nilon màu hồng. Sau khi mua được Hêrôin, T đưa gói Hêrôin cho H cầm và bảo "Mày cầm hộ tao, để tao lái xe", H đồng ý. Đến 08 giờ 20 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe mô tô chở H về đến khu vực bản B, xã M thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã M phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại tay phải H đang cầm 02 gói nhỏ, trong đó 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng, mở bên trong có các cục bột màu trắng nghi là Hêrôin; 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng, mở bên trong có 02 gói gồm 01 gói được gói bằng nilon màu trắng, mở bên trong có các cục bột màu trắng nghi là Hêrôin và 01 gói được gói bằng nilon màu hồng, mở bên trong có các cục bột màu trắng nghi là Hêrôin, cùng 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành mở niêm phong, xác định trọng lượng đối với số vật chứng thu giữ của Lường Văn H và Lò Văn T, cụ thể như sau:

- Số chất bột màu trắng nghi là Hêrôin thu giữ của Lường Văn H có khối lượng là 0,47 gam, trích 0,09 gam gửi làm mẫu giám định;
- Số chất bột màu trắng nghi là Hêrôin thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 0,37 gam, trích 0,08 gam gửi làm mẫu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 549/GĐ-PC54 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lường Văn H, Lò Văn T gửi giám định là Hêrôin.

Tại bản Cáo trạng số 165/QĐ-VKS-HS ngày 14/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lường Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, trong lời luận tội đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lường Văn H, Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Lường Văn H từ 06 năm đến 06 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H; căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều

46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873, nhãn hiệu MIKADO, màu sơn đen, số khung RRKWCHOUMAXP-42201, số máy VTTJL1P52FMH - N042201; tịch thu tiêu hủy 0,84 gam Hêrôin, đã trích 0,17gam gửi giám định không hoàn lại.

Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14. Xem xét việc miễn án phí HSST đối với các bị cáo Lò Văn T, Lương Văn H.

Bị cáo H, bị cáo T nhất trí nội dung Cáo trạng; lời luận tội của Viện kiểm sát; các bị cáo không tranh luận, không có ý kiến bào chữa cho hành vi phạm tội của mình; lời nói sau cùng bị cáo H, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo H, bị cáo T đều khai và thừa nhận: Do bản thân các bị cáo nghiện ma túy nên ngày 08/6/2017, Lò Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873 đến nhà Lương Văn H, rủ H đi tìm mua Hêrôin về sử dụng. Khi cả hai đi đến bản C, xã P thì gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc H'Mông (Khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ), H và T mỗi người mua 100.000 đồng tiền ma túy của người đàn ông này. Sau khi mua được Hêrôin, T đưa gói Hêrôin của T cho H cầm rồi điều khiển xe mô tô chở H về đến khu vực bản B, xã M thì bị bắt quả tang. Lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai của bị cáo T; phù hợp với các bản cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong, mở niêm phong xác định trọng lượng vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đúng với nội dung Cáo trạng; Lò Văn T và Lương Văn H cùng đi mua Hêrôin nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng Hêrôin bị thu giữ là 0,84 gam; bị cáo H, bị cáo T đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Bị cáo Lương Văn H đã 02 lần bị kết án chưa được xóa án tích, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm", cụ thể: Ngày 21/12/2010, bị TAND huyện Đ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 17/6/2011 chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương; ngày 14/11/2014, bị TAND huyện Đ Đông xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 14/5/2016 chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương. Các bản án này chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm", quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội và tiếp tay cho các loại tội phạm, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần được phát hiện kịp thời và áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[3]. Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo T và bị cáo H không có sự phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người nên vụ án chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, Lò Văn T là người khởi xướng, người dẫn đường và sử dụng phương tiện chở Lương Văn H đi mua Hêrôin, còn H là người cùng đi mua Hêrôin với T và cầm hộ Hêrôin cho T, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng Hêrôin bị thu giữ;

Bị cáo Lò Văn T và bị cáo Lương Văn H có nhân thân xấu, cụ thể: Bị cáo T sử dụng ma túy từ năm 2000. Ngày 05/3/2010, bị TAND huyện Đ xử phạt 48 tháng tù về hai tội "Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo H sử dụng ma túy từ năm 1992; ngày 09/5/2002, bị UBND tỉnh Lai Châu (Nay là tỉnh Điện Biên) áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; ngày 04/5/2007, bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; ngày 21/12/2010, bị TAND huyện Đ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 04/5/2012, bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; ngày 14/11/2014, bị TAND huyện Đ1 xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Các bản án năm 2010 và năm 2014 đến nay chưa được xóa án tích.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T, bị cáo H thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; ông Lò Văn L (Bố đẻ Lò Văn T) là người có công trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng cho các bị cáo các tình tiết có lợi quy định tại khoản 3 Điều 7, Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung; vật chứng; án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

Hình phạt bổ sung: Bị cáo H, bị cáo T là người nghiện, sử dụng ma túy; các bị cáo ngoài thu nhập chủ yếu từ làm ruộng, không còn thu nhập ổn định khác, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, vì vậy không áp dụng.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873, nhãn hiệu MIKADO, màu sơn đen, Số khung RRKWCHOUMAXP-42201, số máy VTTJL1P52FMH - N042201 (Tài sản riêng của Lò Văn T) là phương tiện phạm tội; tịch thu tiêu hủy 0,84 gam Hêrôin, đã trích 0,17gam gửi giám định không H lại là vật cấm lưu hành.

Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Miễn toàn bộ tiền án phí HSST đối với bị cáo Lò Văn T và bị cáo Lường Văn H.

Người đàn ông dân tộc H'Mông đã bán cho các bị cáo số Hêrôin bị thu giữ nói trên, do không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Về các lễ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2017.

Căn cứ điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội:

2. Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2017.

3. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27H3 - 4873, nhãn hiệu MIKADO, màu sơn đen, Số khung RRRKWCHOUMAXP-42201, số máy VTTJL1P52FMH - N042201; tịch thu tiêu hủy 0,84 gam Hêrôin, đã trích 0,17gam gửi giám định không H lại. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2017.

4. Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lương Văn H, bị cáo Lò Văn T.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- THA hình Sự; lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Định

